

MS. CHI ENGLISH

Name: _____

Date: .../ .../ 20...

Class: GE8

Tel: 038 255 2594

GLOBAL ENGLISH 8: UNIT 11 – PERSONALITY TYPES

VOCABULARY 1

A. VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1*	personality (n) /pɜ:sə'nlətɪ/	tính cách	20	sympathetic (adj) /sɪmpə'thɛtɪk/	đồng cảm
2	profile (n) /'prəʊfəl/	tiểu sử, hồ sơ	21	instruction (n) /ɪn'strʌkʃn/	chỉ dẫn, hướng dẫn
3	adventurous (adj) /əd'ventʃərəs/	thích phiêu lưu	22	statement (n) /steɪtmənt/	lời phát biểu, tuyên bố
4	cautious (adj) /'kɔ:tʃəs/	thận trọng	23	analysis (n) /ænə'lɪtɪks/	sự phân tích
5	decisive (adj) /dɪ'saɪsɪv/	quả quyết	24*	sort of = type of /sɔ:t/ /taip/	loại, thứ, hạng của cái gì đó
6*	determined (adj) /dɪ'tɜ:mɪnd/	kiên định, quyết tâm	25*	cheer SB up /tʃɪə(r)/	cỗ vũ, khích lệ, làm ai đó vui
7	easy-going (adj) /i:zi 'gəʊɪŋ/	dễ tính	26	annoyed (adj) /ə'nɔɪd/	bực mình; bị quấy rầy, phiền hà
8	generous (adj) /'dʒenərəs/	hào phóng, rộng lượng	27	sensible (adj) /'sensəbl/	biết phai trái, biết điều
9	impatient (adj) /ɪm'peɪʃnt/	thiếu kiên nhẫn	28	practical (adj) /'præktykl/	thiết thực, thực tế
10*	logical (adj) /'lɒdʒɪkl/	hợp lý, hợp với logic	29	make a decision /dr'sɪʒn/	đưa ra một quyết định
11	loyal (adj) /'lɔɪəl/	trung thành	30	be in control of /kən'trəul/	có thể kiểm soát, chỉ đạo cái gì đó
12*	modest (adj) /'mɒdɪst/	khiêm tốn, giản dị	31*	be aware of /ə'weə(r)/	có nhận thức về cái gì đó
13*	optimistic (adj) /ɒptɪ'mɪstɪk/	lạc quan	32	deal with /di:l/	đối mặt, giải quyết một việc gì đó
14	pessimistic (adj) /pə'sɪmɪstɪk/	bí quan	33	evidence (n) /'evɪdəns/	bằng chứng, chứng cứ
15*	organized (adj) /ɔ:gənaɪzd/	có trật tự, gọn gàng, ngăn nắp	34	exactly (adv) /ɪg'zæktli/	một cách chính xác
16	patient (adj) /peɪʃnt/	kiên nhẫn	35	get upset /əp'set/	trở nên khó chịu, buồn bực

17*	quick-tempered (adj) <i>/'kwɪk 'tempəd/</i>	nóng tính	36	last-minute change <i>/la:st 'mɪn.it tʃeindʒ/</i>	thay đổi vào phút chót
18	sociable (adj) <i>/'səʊʃəbl/</i>	hòa đồng, dễ gần	37	be on time <i>/taɪm/</i>	đúng giờ
19*	spontaneous (adj) <i>/spɒn'teɪniəs/</i>	tự ý, tự phát	38*	realistic (adj) <i>/riə'lɪs.tɪk/</i>	có óc thực tế

Từ vựng mở rộng

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	efficient (adj) <i>/ɪ'fɪʃnt/</i>	năng suất, hiệu quả	5	creative (adj) <i>/kri'etɪv/</i>	sáng tạo
2	possession (n) <i>/pə'zeʃn/</i>	tài sản, của cải	6	silly (adj) <i>/'sili/</i>	ngốc nghênh
3	confidence (n) <i>/'kɒnfɪdəns/</i>	sự tự tin	7	guard (n) <i>/ga:d/</i>	linh canh, người canh gác
4*	expect (v) <i>/ɪk'spekt/</i>	mong đợi	8	refuse (v) <i>/rə'fju:z/</i>	từ chối

*Note: n = noun (danh từ); adj = adjective (tính từ); adv = adverb (trạng từ)

v = verb (động từ); SB = somebody (một ai đó)

Từ có ký hiệu * có 2 cách phát âm

Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.

B. HOMEWORK

*Note: DO NOT apply short forms (contractions) in sentences.

Use “was not/ do not/ have not...” instead of “wasn’t/ don’t/ haven’t...”

I. Choose the correct answer by circling A, B, C or D.

0. My sister really enjoys reading this type _____ books.

A. of B. about C. on D. with

1. He is doing everything to cheer his mother _____.

A. down B. below C. up D. under

2. The captain says that his team is now _____ control of the situation.

A. under B. in C. on D. with

3. Lan: "Do you know that we are going to have a test tomorrow?"

Mai: "Yes, I am aware _____ it."

A. in B. with C. about D. of

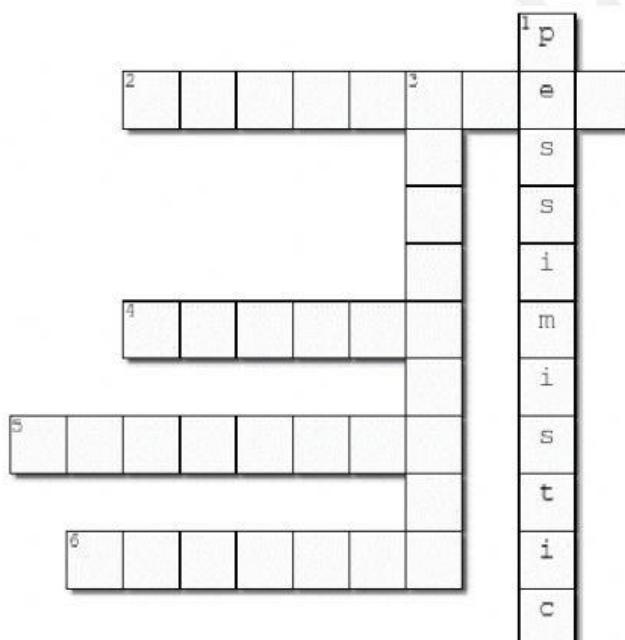
4. The actor said that he needed time to deal _____ the bad news.

A. with B. for C. in D. on

5. The trains are usually _____ time.

A. on B. off C. before D. after

II. Complete the crossword puzzle below.



Across

2. able to plan your work, life, etc. well and in an efficient way
4. not talking much about your own abilities or possessions
5. able to decide something quickly and with confidence
6. able to wait for a long time or accept annoying behaviour without becoming angry

Down

1. ~~expecting bad things to happen or something not to be successful~~
3. annoyed by somebody/something, especially because you have to wait for a long time

III. Complete the sentences using the words given in the box.

quick-tempered

loyal

personality

exactly

instructions

in control of

0. He has a ***quick-tempered*** friend who gets angry all the time.

1. Dogs are famous for being the most _____ pet.

2. He's not very handsome, but he has a wonderful _____.

3. Our results must be _____ the same.

4. The Queen is _____ her guards.

5. You should follow the _____ printed on the toy box.

IV. Unscramble the words to make sentences.

0. guarantees / The teacher / there / that / will / be / not / last-minute / a / change / .

→ ***The teacher guarantees that there will not be a last-minute change.***

1. statement / The president / to / is / make / a / going / .

→ _____

2. day / exercise / to / every / am / single / I / determined / .

→ _____

3. Your / sounds / good /, / but / idea / there / is / practical / a / purpose / it / for / ?

→ _____

4. The boy / sweets / his / upset / mother / is / because / refuses / to / buy / him / .

→ _____

5. The teacher / boy / patient / very / the / lazy / with / was / .

→ _____

V. Write 4 to 5 sentences to describe one of your friends using the words and phrases you have learned.

Describing a friend

“The first thing I would say about my best friend is that she’s very **sensible**¹. I’ve never known Emilia to do anything **silly**², and I know I can always **trust**³ her. She’s also very **creative**⁴; she makes things, and she’s a very **talented**⁵ artist. I **wish**⁶ I had her **talent**. ”

1. English

FCE 2008 (1) – TEST 3 – PART 2

Con làm bài nghe tại link sau: https://youtu.be/G_F35NNdUKA

Test 3

Part 2

You will hear a man called Peter Welby, who makes small models of buildings, talking about his work. For questions 9–18, complete the sentences.

The Model Maker

Before becoming a model maker, Peter did a course in

	9	at a college.
--	---	---------------

Peter compares his job to the type of work done by a

	10
--	----

In Peter's hardest job, he was given some

	11	of the building to work from.
--	----	-------------------------------

Peter's most enjoyable job was making a model of a

	12	for an exhibition.
--	----	--------------------

Most of Peter's work is exported to

	and	13
--	-----	----

Peter says his models look best when they have

	14	directed onto them.
--	----	---------------------

Peter's model of Marney House measures

	15	in height.
--	----	------------

The Marney House model took a long time to make because it had so many

	16	and roof tiles.
--	----	-----------------

The roof tiles on the model of Marney House are made of

	17
--	----

Peter uses watercolour paint to reproduce the effects of the weather and

	18
--	----